TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **15**/2020/KDTM-PT
Ngày: 23-6-2020
V/v: "Tranh chấp giữa các thành viên công ty với nhau về hủy Nghị quyết của hội đồng quản trị và bồi thường thiệt hại"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thanh Long**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Tấn Trường**

Ông **Lê Tự**

Thư ký phiên tòa: Bà **Vũ Thanh Thủy** – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Ông **Đoàn Ngọc Thanh** – Kiểm sát viên.

Vào ngày 23 tháng 6 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 13/2020/TLPT-KDTM ngày 08/01/2020, về việc *"Tranh chấp giữa các thành viên công ty với nhau về hủy Nghị quyết của hội đồng quản trị và bồi thường thiệt hại"*.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 05/2019/KDTM-ST ngày 26/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 925/2020/QĐ-PT ngày 03 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Ông Bùi Văn H; địa chỉ: 12 đường G, phường T4, thành phố B1, tỉnh Đắk Lắk; Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Trần Thị H1 - địa chỉ: 25/36 đường T5, phường P, quận Y, thành phố Hồ Chí Minh (Theo văn bản ủy quyền ngày 21/02/2019); Có mặt.

**** Bị đơn:***

1. Công ty cổ phần điện T; địa chỉ: Thôn 9, xã HP, thành phố B1, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty: Bà Đỗ Thị X, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị; Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Công ty cổ phần điện T: Luật sư Phạm Hàn L – Luật sư văn phòng luật sư Hàn L – Đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk; Có mặt.

2. Bà Đỗ Thị X; địa chỉ: Số 6 đường B2, thành phố B1, tỉnh Đắk Lắk; Có mặt.

3. Ông Phạm Công T1; địa chỉ: 1073/36 đường C, phường Y1, quận T6, thành phố Hồ Chí Minh; Có mặt.

4. Ông Lê Ngọc Đ; địa chỉ: 161 đường P1, phường T7, thành phố B1, tỉnh Đắk Lắk; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

5. Ông Phạm Văn P; địa chỉ: 56 đường T8, phường T9, thành phố B1, tỉnh Đắk Lắk; Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Văn P là: Bà Đỗ Thị X (Theo văn bản ủy quyền ngày 03/6/2019); Có mặt.

**** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:***

1. Ông Nguyễn Trương T2; địa chỉ: 91 đường N2, phường T10, thành phố N3, tỉnh Khánh Hòa; Có mặt.

2. Ngân hàng thương mại cổ phần N1

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Nam G1- Chức vụ: Phó phòng khách hàng Doanh nghiệp Ngân hàng thương mại cổ phần N1- Chi nhánh Đắk Lắk; địa chỉ: 06 Trần Hưng Đạo, thành phố B1, tỉnh Đắk Lắk; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Bùi Văn H là bà Trần Thị H1 trình bày:

Khoảng năm 2010, trong quá trình thực hiện đầu tư nhà máy thuỷ điện HP, nhằm ghi nhận công sức đóng góp của ông Nguyễn Trương T2 trong việc tham gia thiết kế lập Dự án đầu tư cho Dự án này của Công ty, các thành viên của Công ty gồm bà Đỗ Thị Kim Th, ông Huỳnh Quang S, bà Trần Thị Kim X1 và ông Bùi Văn T3 có dự kiến mời ông T2 về làm việc tại Công ty và phần công sức đóng góp của ông T2 là 01 tỷ đồng sẽ được quy ra cổ phiếu phát hành lần đầu của Công ty với giá 100.000 đồng/01 cổ phần (Biên bản cuộc họp HĐQT Công ty cổ phần điện T ngày 28/02/2010). Bên cạnh đó, khoản chi phí này hoàn toàn không có chứng từ hợp pháp

và không được hạch toán trên sổ sách của Công ty theo quy định pháp luật và do vướng mắc của cá nhân ông T2 trên thực tế nên phương án mà các thành viên Công ty dự kiến cũng không thể thực hiện, ông T2 cũng không về làm việc tại Công ty cũng như đứng tên sở hữu cổ phần tương ứng với phần công sức đóng góp được xác định. Mặt khác, do tài sản của Công ty đang thế chấp tại Ngân hàng nên không thể chuyển cổ phần để ông T2 đứng tên.

Mặc dù, phần công sức đóng góp của ông T2 không có các chứng từ ghi nhận hợp lệ và hạch toán trên sổ sách hợp pháp là khoản chi phí phải trả của Công ty đối với ông T2, tuy nhiên, năm 2014, khi Dự án nhà máy thuỷ điện HP hoàn thành, với tư cách cá nhân, các ông bà: ông H, ông T1, bà X vẫn thống nhất ghi nhận công sức đóng góp của ông T2 và chuyển cho H số tiền 01 tỷ đồng để giải quyết khoản nợ với ông T2 (*Văn bản xác nhận công nợ do ông H, ông T1 và bà X cùng ký ngày 07/05/2014*). Theo đó, ngày 21/05/2014, trên cơ sở nội dung thống nhất giữa 03 cá nhân: H, X, T1, ông Nguyễn Duy Khánh đã chuyển số tiền 01 tỷ đồng vào tài khoản của ông H tại Ngân hàng N1 - Chi nhánh Đắk Lắk với nội dung "*Chuyển cho ông Bùi Văn H để giải quyết công nợ với ông Nguyễn Trương T2"*.

Sau khi nhận được khoản tiền nêu trên, nhận thấy thời điểm này toàn bộ cổ phần của các cổ đông cá nhân (H, X, T1) tại Công ty đã thế chấp cho Ngân hàng N1 từ năm 2012 (Hợp đồng thế chấp số 241112/HNG/HĐTC ngày 24/11/2012 giữa ông H, ông T1, bà X với N1 – CN Đắk Lắk), ông H có thông báo cho ông T2 phương án quy đổi ra cổ phần cho ông T2 được đứng tên tại Công ty là không thể thực hiện mà phải nhận bằng tiền là đúng 01 tỷ. Ông T2 đã đề nghị ông H giữ lại số tiền đó và tìm dự án nào có hiệu quả tốt tương đương dự án thủy điện HP để đầu tư thay thế (Chỉ là lời nói miệng với nhau). Trước mắt, do chỗ quen biết, với mong muốn giảm bớt thiệt thòi cho ông T2, ông H đồng ý chia sẻ cho ông T2 một phần tiền cổ tức mà ông H nhận được từ cổ phần mà mình sở hữu tại Công ty cổ phần điện T theo tình hình thực tế chi trả cổ tức của Công ty tại từng thời điểm. Theo đó, từ năm 2016, khi Công ty chính thức chi trả cổ tức cho các cổ đông, ông H đã chuyển cho ông T2 số tiền tương ứng với cổ tức mà ông H được hưởng từ 100 nghìn cổ phần tại Công ty chứ hoàn toàn không có bất kỳ thoả thuận nào về việc ông H chuyển trả cho ông T2 100 nghìn cổ phần tại Công ty.

Mọi việc giữa ông T2 và ông H đã diễn ra bình thường và việc ông T2 không về làm việc tại Công ty cũng như không sở hữu cổ phần tại Công ty tất cả các cổ đông hiện hữu đều biết, hoàn toàn không có ý kiến gì. Mọi việc xảy ra trên thực tế nằm ngoài phương án mà ông H, ông T1, bà X đã dự kiến nên ngày 05/5/2017, ông H đã nhắn tin gửi ông T2 với nội dung: *"Khoản tiền 1 tỷ mà anh đang giữ của T2 vẫn chưa có một văn bản chính thức nào ghi nhận. Để giải quyết các quyền lợi phát sinh*

từ số tiền này, anh và T2 phải trực tiếp gặp nhau ký biên bản thỏa thuận thống nhất phương án xử lý khoản tiền này để có cơ sở thực hiện các vấn đề liên quan". Theo đó, ông T2 đã nhắn lại cho ông H xác nhận: *" Ok anh vài hôm nữa em lên xin đăng ký gặp anh nhé."*. Tuy nhiên, từ đó cho đến nay, ông T2 không một lần đến gặp mặt ông H để giải quyết như đã hẹn.

Tháng 6/2017, ông T1 và bà X có tranh chấp với ông H liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phần của ông H cho Công ty TNHH Năng Lượng B (là công ty thuộc sở hữu của gia đình ông H) kéo theo ông H đã bị Công ty giữ lại cổ tức. Bên cạnh đó, sau khi vụ tranh chấp giữa ông H với các cổ đông X, T1 được giải quyết xong, lúc này nhóm cổ đông X, T1 đã nắm quyền chi phối Công ty, được sự hậu thuẫn của nhóm cổ đông này, ngày 15/8/2018, ông T2 lại tiếp tục có đơn gửi đến Công ty yêu cầu ông H phải chuyển nhượng cổ phần cho ông T2. Mặc dù vấn đề này có được đưa ra thảo luận tại cuộc họp Hội đồng quản trị của Công ty vào ngày 12/10/2018 tuy nhiên các thành viên Công ty đã thống nhất khoản nợ của ông T2 nếu liên quan đến ông H thì ông H sẽ tự giải quyết. Thế nhưng ngày 23/01/2019, bất chấp ý kiến phản đối của ông H với tư cách là cổ đông, chủ sở hữu cổ phần hợp pháp tại Công ty, bà X với tư cách là Chủ tịch HĐQT Công ty đã triệu tập họp HĐQT với thành phần tham gia trong đó có ông Phạm Công T1, Lê Ngọc Đ, Phạm Văn P với tỷ lệ biểu quyết đa số đã thông qua Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐQT của HĐQT, Công ty chấp nhận đơn đề nghị của ông T2, ngang nhiên trích cổ tức của ông H để chi trả cho ông T2 cũng như đề xuất ĐHĐCĐ điều chỉnh giảm cổ phiếu của ông H xuống và tương ứng cấp chứng nhận sở hữu 100 nghìn cổ phần cho ông T2 tại Công ty bất chấp quy định của pháp luật hiện hành, quy định của điều lệ Công ty. Theo đó, ngày 25/01/2019, ông Lữ Tấn H2 - Đại diện của Công ty cổ phần điện T đã gửi cho các cổ đông Công ty thông báo chi trả tạm ứng cổ tức còn lại năm 2018 và tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2019 qua email kèm theo chi tiết danh sách cổ đông chốt đến ngày 25/01/2019 trong đó đã xác định luôn ông Nguyễn Trương T2 là cổ đông Công ty đồng thời trích cổ phần và cổ tức của ông H để ông T2 được hưởng là 95 triệu đồng. Ngày 30/01/2019, ông Phan Công C – Giám đốc Công ty cổ phần điện T tiếp tục gửi email cho ông H và ông T2 về việc chi trả cổ tức kèm theo bảng thống kê chi cổ tức trong đó đã trích luôn cổ tức của ông H cho ông T2 hưởng từ năm 2016 đến năm 2018 với số tiền là: 655.500.000đ. Tổng cộng tính đến 30/01/2019, Công ty cổ phần điện T đã trích giữ trái phép tiền cổ tức từ cổ phần của ông H tại Công ty là: 750.500.000đ (Bảy trăm năm mươi triệu năm trăm nghìn đồng) để trả cho ông T2.

Nay ông H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Hủy bỏ Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị Công ty điện T ngày 23/01/2019.

2. Buộc các ông, bà Đỗ Thị X, Phạm Công T1, Lê Ngọc Đ và Phạm Văn P là các thành viên HĐQT Công ty cổ phần điện T và Công ty cổ phần điện T phải liên đới hoàn trả cho ông H tổng số tiền 755.086.389 đồng (trong đó gồm: toàn bộ số cổ tức đã tự ý giữ để chi trả bất hợp pháp cho ông T2 vào ngày 30/01/2019 với tổng số tiền 750.500.000 đồng; Lãi phát sinh từ khoản tiền cổ tức của ông H bị trích giữ bất hợp pháp theo Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐQT của HĐQT Công ty điện T ngày 23/01/2019 kể từ thời điểm trích giữ (ngày 21/02/2019 theo mức lãi suất 10%/năm tương đương số tiền là 750.500.000 đồng x 10%/ 12 tháng x 22 ngày/30 ngày = 4.586.389 đồng)

Bị đơn bà Đỗ Thị X đồng thời là người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần điện T và là người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Văn P trình bày:

Ông Nguyễn Trương T2 là người tham gia ngay từ đầu khi Công ty mới thành lập. Ông là người trực tiếp đi khảo sát làm hồ sơ cho giai đoạn chuẩn bị đầu tư, lập hồ sơ báo cáo xin phép đầu tư, tham gia báo cáo theo yêu cầu của các cơ quan ban ngành cho đến khi được 2 tỉnh Đắk Lắk và Đắk Nông có văn bản cho phép công ty đầu tư vào Dự án thủy điện HP, được UBND tỉnh Đắk Lắk cấp giấy chứng nhận đầu tư. Tuy nhiên, do ông T2 thuộc biên chế của Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng Điện 4 (Nha Trang) nên ông đã từ chối về làm việc tại Công ty nhưng để chi trả phần đóng góp bằng công tham gia thiết kế lập dự án của ông Nguyễn Trương T2, các thành viên trong Hội đồng quản trị đều đồng ý sẽ quy ra cổ phần mà không phải thanh toán ngay bằng tiền vì tiền mặt của các cổ đông trong công ty luôn thiếu hụt mà chi phí đầu tư cho dự án thì càng ngày càng lớn. Do đó, theo biên bản họp hội đồng quản trị ngày 28/02/2010 Công ty cổ phần điện T (Công ty T) tại mục 4.4 có ghi thống nhất mời ông Nguyễn Trương T2 về làm việc tại công ty, xác định phần đóng góp bằng công tham gia thiết kế lập Dự án đầu tư của ông Nguyễn Trương T2 là 1.000.000.000 đồng. Số tiền này được quy ra cổ phiếu phát hành lần đầu với mệnh giá 100.000đ/cổ phần. Tuy nhiên, đến ngày 15/11/2010 Đại hội đồng cổ đông Công ty T có Quyết định số 01 tại Điều 5 đã sửa đổi khoản 1 mệnh giá 01 cổ phần là 10.000 đồng. Quyết định này là do Chủ tịch hội đồng quản trị là ông Bùi Văn H ký. Sau đó ông H nhận nợ 1.000.000.000 đồng của 03 cổ đông là ông Bùi Văn H, ông Phạm Công T1 và bà Đỗ Thị X để chi trả nợ cổ phần cho ông T2. Sau khi ông H nhận nợ 1.000.000.000 đồng từ 03 cổ đông thì ông H tự động chuyển đổi 1 tỷ đồng này ra 100.000 cổ phần theo Quyết định và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, cho nên ông H đã chi trả cổ tức cho ông Nguyễn Trương T2 lần đầu tiên vào năm 2015 với số tiền 66.500.000 đồng. Lần 2: Ngày 17/01/2017 ông H tiếp tục chuyển trả cổ tức năm 2016 cho ông T2 với số tiền 105.382.000 đồng theo đúng 100.000 cổ phần ông H nợ ông T2. Từ năm 2017 đến năm 2018 ông H ngừng trả cổ tức cho ông T2 với tổng số tiền ông T2 được hưởng là 655.500.000 đồng. Ông T2 đã làm đơn khiếu nại lên Hội đồng quản

trị. Ngày 23/01/2019 Hội đồng quản trị đã tổ chức cuộc họp có biên bản số 07/2018/BB-HĐQT và đã ra Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐQT. Nội dung của nghị quyết này là chấp nhận đơn đề nghị của ông Nguyễn Trương T2 về việc yêu cầu ông Bùi Văn H chuyển nhượng 100.000 cổ phần và toàn bộ số cổ tức mà ông T2 được hưởng kể từ lần chia cổ tức thứ 3 theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐQT ngày 07/4/2017 của Đại hội đồng cổ đông Công ty trở về sau. Thực hiện Nghị quyết số 09 công ty đã trả cổ tức cho ông T2 số tiền trích từ cổ tức của ông H năm 2017 - 2018 là 750.500.000 chi vào ngày 30/01/2019. Ngày 12/4/2019, Công ty tiếp tục chi trả đợt 2 số tiền 95.000.000 đồng cổ tức cho ông T2. Đối với 100.000 cổ phần vẫn đứng tên ông H, không có sự thay đổi gì theo Nghị quyết số 09 ngày 23/01/2019 của Hội đồng quản trị của công ty.

Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐQT ngày 23/01/2019 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần điện T là đúng nên yêu cầu hủy nghị quyết và bồi thường thiệt hại của ông H là không có căn cứ.

Bị đơn ông Phạm Công T1 trình bày: Dựa vào các đơn đề nghị chuyển nhượng cổ phần của ông T2, xét thấy đơn đề nghị của ông T2 là hợp lý nên ngày 23/01/2019 Công ty có tổ chức họp và ra Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐQT. Nội dung của nghị quyết này là chấp nhận đơn đề nghị của ông Nguyễn Trương T2 về việc yêu cầu ông Bùi Văn H chuyển nhượng 100.000 cổ phần và toàn bộ số cổ tức mà ông T2 được hưởng kể từ lần chia cổ tức thứ 3 theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐQT ngày 07/4/2017 của Đại hội đồng cổ đông Công ty trở về sau. Căn cứ các tài liệu hiện có: Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị ngày 28/02/2010 và giấy xác nhận của ông Huỳnh Quang S - chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của công ty từ ngày 21/07/2007 đến tháng 06/2010 có nói nội dung xác nhận phần đóng góp bằng công tham gia thiết kế lập dự án đầu tư của ông T2 là 01 tỷ đồng quy ra cổ phiếu phát hành lần đầu là 100.000đồng/cổ phần. Nội dung trên có trong Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị ngày 28/02/2010 đã chính thức trở thành nghị quyết của Công ty.

Căn cứ vào các email trao đổi giữa ông T2 và ông H (Chủ tịch hội đồng quản trị) ngày 07/5/2014 có chuyển tiếp cho hai thành viên trong HĐQT là bà Đỗ Thị X và ông Phạm Công T1 về việc ông T2 xác nhận lại những khoản đóng góp của ông cho dự án này, sau đó có xác nhận của ông T2 số tiền 1 tỷ đồng sẽ được quy ra tỷ lệ phần trăm cổ phần. Trên cơ sở email trao đổi thống nhất giữa ông H và ông T2 có chuyển tiếp cho HĐQT là ông T1 và bà X. 03 cổ đông đã họp dưới sự chủ trì của ông H - Chủ tịch HĐQT ngày 07/5/2014 xác nhận khoản nợ 01 tỷ đồng của ông T2 theo nội dung email sẽ do ông H chịu trách nhiệm trả.

Đề xác nhận việc trả nợ trên, ngày 07/5/2014 Công ty đã giao cho ông

Nguyễn Duy Khánh thực hiện việc chi trả 01 tỷ với nội dung: Chuyển tiền vào tài khoản cá nhân ông Bùi Văn H số tiền 01 tỷ đồng ngày 21/5/2014 để giải quyết công nợ cho ông T2.

Sau khi ông H đã nhận đủ số tiền 01 tỷ thì ông đã thực hiện theo cam kết, ông H đã chi trả cổ tức cho ông Nguyễn Trương T2 lần đầu tiên vào năm 2015 với số tiền 66.500.000 đồng. Lần 2: Ngày 17/01/2017 ông H tiếp tục chuyển trả cổ tức năm 2016 cho ông T2 với số tiền 105.382.000 đồng theo đúng 100.000 cổ phần ông H nợ ông T2. Do đó, tôi không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn ông Lê Ngọc Đ trình bày: Tôi là thành viên vào sau không liên quan đến khoản nợ giữa ông H và ông T2. Tuy nhiên, xét thấy đề nghị của ông T2 là chính đáng, hợp tình hợp lý nên tôi đã bỏ phiếu đồng ý thông qua Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐQT ngày 23/01/2019 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần điện T nên đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trương T2 trình bày:

Tôi là người tham gia ngay từ đầu khi Công ty mới thành lập và là người trực tiếp đi khảo sát làm hồ sơ cho giai đoạn chuẩn bị đầu tư, lập hồ sơ báo cáo xin phép đầu tư, tham gia báo cáo theo yêu cầu của các cơ quan ban ngành cho đến khi được 2 tỉnh Đắk Lắk và Đắk Nông có văn bản cho phép công ty đầu tư vào Dự án thủy Điện HP, được UBND tỉnh Đắk Lắk cấp giấy chứng nhận đầu tư. Để chi trả phần đóng góp bằng công tham gia thiết kế lập dự án của tôi, Công ty có mời tôi về làm việc tuy nhiên, do tôi thuộc biên chế của Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng Điện 4 (Nha Trang) nên tôi đã từ chối về làm việc tại Công ty sau đó các thành viên trong Hội đồng quản trị đều đồng ý sẽ quy ra cổ phần. Do đó, theo biên bản họp hội đồng quản trị ngày 28/02/2010 Công ty cổ phần điện T xác định phần đóng góp bằng công tham gia thiết kế lập Dự án đầu tư của tôi là 1.000.000.000 đồng. Số tiền này được quy ra cổ phiếu phát hành lần đầu với mệnh giá 100.000đ/cổ phần. Đến ngày 15/11/2010 Đại hội đồng cổ đông Công ty T có Quyết định số 01 tại Điều 5 đã sửa đổi khoản 1 mệnh giá 01 cổ phần là 10.000 đồng. Quyết định này là do Chủ tịch hội đồng quản trị là ông Bùi Văn H ký. Sau đó ông H nhận nợ 1.000.000.000 đồng của 03 cổ đông là ông Bùi Văn H, ông Phạm Công T1 và bà Đỗ Thị X để chi trả nợ cổ phần cho tôi. Sau khi ông H nhận nợ 1.000.000.000 đồng từ 03 cổ đông thì ông H tự động chuyển đổi 1 tỷ đồng này ra 100.000 cổ phần theo Quyết định và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, cho nên ông H đã chi trả cổ tức cho tôi lần đầu tiên vào năm 2015 với số tiền 66.500.000 đồng. Lần 2: Ngày 17/01/2017 ông H tiếp tục chuyển trả cổ tức năm 2016 cho tôi với số tiền 105.382.000 đồng theo đúng 100.000 cổ phần ông H nợ tôi. Từ năm 2017 đến năm 2018 ông H ngừng trả cổ tức cho tôi với tổng số tiền tôi được hưởng là 655.500.000 đồng. Sau đó tôi đã làm đơn khiếu nại 03 lần lên Hội

đồng quản trị. Ngày 23/01/2019 Hội đồng quản trị đã tổ chức cuộc họp có biên bản số 07/2018/BB-HĐQT và đã ra Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐQT. Nội dung của nghị quyết này là chấp nhận đơn đề nghị của tôi về việc yêu cầu ông Bùi Văn H chuyển nhượng 100.000 cổ phần và toàn bộ số cổ tức mà tôi được hưởng kể từ lần chia cổ tức thứ 3 theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐQT ngày 07/4/2017 của Đại hội đồng cổ đông Công ty trở về sau. Do vậy tôi không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn Công ty cổ phần điện T Luật sư Phạm Hàn Lâm trình bày: Biên bản họp ngày 28/02/2010 đã biểu quyết đưa ông T2 vào làm thành viên của Công ty và ông T2 được hưởng 100.000 cổ phần, tuy chưa hoàn tất về mặt thủ tục nhưng tất cả các thành viên trong Công ty và ông H đều mặc nhiên đồng ý. Hơn nữa, từ ngày 28/02/2010 đến năm 2018 ông H không có ý kiến gì đối với Nghị quyết của Hội đồng quản trị ngày 28/02/2010 và trong năm 2015 ông H chuyển trả cổ tức cho ông T2 với số tiền 66.500.000 đồng. Lần 2: Ngày 17/01/2017 ông H tiếp tục chuyển trả cổ tức năm 2016 cho ông T2 với số tiền 105.382.000 đồng theo đúng 100.000 cổ phần ông H nợ ông T2, trong các phiếu chuyển tiền của ông H chuyển cho ông T2 đều ghi với nội dung "chuyển tiền cổ tức". Sau khi xảy ra tranh chấp về việc chuyển nhượng cổ phần giữa ông H với các thành viên trong Công ty ông H mới ngừng chi trả cổ tức cho ông T2. Việc Công ty ra Nghị quyết số 09 là đúng đắn vì nó tuân thủ điều lệ của Công ty, đã được các thành viên trong Hội đồng quản trị thông qua và có hiệu lực, do đó các thành viên trong Công ty phải có nghĩa vụ chấp hành. Ông T2 đã là thành viên của Công ty nên ông T2 đương nhiên được hưởng phần cổ tức này là hợp lý. Do vậy, đề nghị HĐXX không chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Với các nội dung trên,

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 05/2019/KDTM-ST ngày 26/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

- Căn cứ khoản 4 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 266; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 2 Điều 121; Khoản 2, khoản 7 Điều 126; Điều 132 Luật Doanh nghiệp 2014.

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Văn H.

Hủy bỏ Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị Công ty cổ

phần điện T ngày 23/01/2019.

Buộc Công ty cổ phần điện T hoàn trả cho ông Bùi Văn H tổng số tiền 812.207.000đồng (trong đó gồm: toàn bộ số cổ tức đã tự ý giữ để chi trả bất hợp pháp cho ông T2 vào ngày 30/01/2019 với tổng số tiền 750.500.000 đồng; Lãi phát sinh từ khoản tiền cổ tức của ông H bị trích giữ bất hợp pháp theo Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần điện T ngày 23/01/2019 là 61.707.000 đồng).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Trong thời hạn luật định,

Ngày 07/12/2019, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trương T2 kháng cáo đề nghị HĐXX phúc thẩm không chấp nhận đơn khởi kiện của ông H.

Ngày 10/12/2019, ông Bùi Văn H có đơn kháng cáo đề nghị HĐXX xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc Công ty cổ phần điện T phải trả cho ông H số tiền là 1.103.455.511 đồng (Trong đó bao gồm tiền cổ tức đã tự ý trích giữ bất hợp pháp theo Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐQT của HĐQT công ty Điện T ngày 23/01/2019 là 1.035.500.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ khoản tiền cổ tức đã trích giữ bất hợp pháp theo Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐQT của HĐQT công ty Điện T ngày 23/01/2019 kể từ thời điểm trích giữ đến khi thanh toán đủ theo mức lãi suất 10%/năm là 67.955.511 đồng), trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực.

Ngày 10/12/2019, bị đơn Công ty cổ phần điện T, bà Đỗ Thị X kháng cáo đề nghị HĐXX phúc thẩm không chấp nhận đơn khởi kiện của ông H.

Ngày 12/12/2019, bị đơn ông Phạm Công T1 kháng cáo đề nghị HĐXX phúc thẩm không chấp nhận đơn khởi kiện của ông H.

Ngày 11/12/2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk có quyết định kháng nghị phúc thẩm đối với Bản án sơ thẩm số 05/2019/KDTM-ST ngày 26/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, theo hướng đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng sửa bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án hủy Nghị quyết 09/2018/NQ-HĐQT ngày 23/01/2019 của HĐQT Công ty cổ phần điện T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Xét nội dung kháng cáo của Nguyên đơn đề nghị Công ty cổ phần điện T trả cổ tức 1.103.455.511 đồng mà Công ty trích giữ theo Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị Công ty điện T ngày 23/01/2019 và tiền lãi phát sinh; Bị đơn và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Trương T2 kháng cáo đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn; Kháng nghị số 1006/QĐ-VKS-P10 ngày 11/12/2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn về đề nghị hủy Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐQT ngày 23/01/2019 của Hội đồng quản trị Công ty điện T, thấy:

Quá trình giải quyết vụ án các bên đương sự đều xác định: Khoảng năm 2010, trong quá trình thực hiện đầu tư Nhà máy thủy điện HP, nhằm ghi nhận công sức đóng góp của ông Nguyễn Trương T2 trong việc tham gia thiết kế lập Dự án đầu tư cho Dự án này của Công ty, các thành viên của Công ty gồm bà Đỗ Thị Kim Th, ông Huỳnh Quang S, bà Trần Thị Kim X1 và ông Bùi Văn T3 có dự kiến mời ông T2 về làm việc tại Công ty và phần công sức đóng góp của ông T2 là 1.000.000.000 đồng sẽ được quy ra cổ phiếu phát hành lần đầu của Công ty với giá 100.000 đồng/01 cổ phần (Biên bản cuộc họp HĐQT Công ty cổ phần điện T ngày 28/02/2010).

Năm 2014, khi Dự án nhà máy thủy điện HP hoàn thành, với tư cách cá nhân, các ông bà: ông H, ông T1, bà X vẫn thống nhất ghi nhận công sức đóng góp của ông T2 và chuyển cho H số tiền 1.000.000.000 đồng để giải quyết khoản nợ với ông T2 *(Văn bản xác nhận công nợ do ông H, ông T1 và bà X cùng ký ngày 07/05/2014)*. Theo đó, ngày 21/05/2014, trên cơ sở nội dung thống nhất giữa 03 cá nhân: ông H, bà X, ông T1, ông Nguyễn Duy Khánh đã chuyển số tiền 1.000.000.000 đồng vào tài khoản của ông H tại Ngân hàng N1 - Chi nhánh Đắk Lắk với nội dung: *"Chuyển cho ông Bùi Văn H để giải quyết công nợ với Ông Nguyễn Trương T2"*.

Như vậy, có đủ cơ sở xác định giữa Nguyên đơn và Bị đơn có thỏa thuận với nhau về việc Công ty điện T chuyển cho ông Bùi Văn H 1.000.000.000 đồng để giải quyết công nợ giữa ông H với ông T2.

Ngày 23/01/2019, Công ty ban hành và đã thông qua Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị; Công ty chấp nhận đơn đề nghị của ông T2, tự ý trích cổ tức của ông H để chi trả cho ông T2 cũng như đề xuất Đại hội đồng cổ đông điều chỉnh giảm cổ phiếu của ông H xuống và tương ứng cấp chứng nhận sở hữu 100.000 cổ phần cho ông T2 tại Công ty là trái với quy định của pháp luật về Điều lệ của Công ty làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông H.

Theo đó, ngày 25/01/2019, ông Lữ Tấn H2 - Đại diện của Công ty cổ phần điện T đã gửi cho các cổ đông Công ty thông báo chi trả tạm ứng cổ tức còn lại năm 2018 và tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2019 qua email kèm theo chi tiết danh sách cổ đông chốt đến ngày 25/01/2019 trong đó đã xác định ông Nguyễn Trương T2 là cổ

đông Công ty; Đồng thời, trích cổ phần và cổ tức của ông H để ông T2 được hưởng là 95.000.000 đồng.

Ngày 30/01/2019, ông Phan Công Cưởng - Giám đốc Công ty cổ phần điện T tiếp tục gửi email cho ông H và ông T2 về việc chi trả cổ tức kèm theo Bảng thống kê chi cổ tức trong đó đã trích cổ tức của ông H cho ông T2 hưởng từ năm 2016 đến năm 2018 với số tiền là: 655.500.000 đồng.

Tổng cộng tính đến 30/01/2019, Công ty cổ phần điện T đã trích giữ trái phép tiền cổ tức từ cổ phần của ông H tại Công ty là: 750.500.000 đồng để trả cho ông T2 là không đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 126 Luật doanh nghiệp 2014: "*Việc chuyển nhượng cổ phần phải thực hiện bằng hợp đồng, giấy tờ chuyển nhượng phải được bên nhận chuyển nhượng và bên chuyển nhượng ký*"; Theo khoản 7 Điều 126 Luật doanh nghiệp 2014 thì người nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại điều này chỉ trở thành cổ đông của Công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại khoản 2 Điều 121 của luật này, được ghi đầy đủ vào Sổ đăng ký Cổ đông, việc chi trả cổ tức chỉ có Cổ đông mới được hưởng.

Như vậy, chưa có sự đồng ý của ông H về việc chuyển nhượng cổ phần cho ông T2, ông T2 cũng chưa được ghi vào Sổ đăng ký Cổ đông nhưng Công ty cổ phần điện T đã ban hành Nghị quyết yêu cầu ông Bùi Văn H chuyển nhượng 100.000 cổ phần và toàn bộ số cổ tức mà ông T2 được hưởng kể từ lần chia cổ tức thứ 3 theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 07/4/2017 của Đại hội đồng cổ đông Công ty trở về sau cho ông T2 cũng như đề xuất Đại hội đồng cổ đông điều chỉnh giảm cổ phiếu của ông H xuống và tương ứng cấp Chứng nhận sở hữu 100.000 cổ phần cho ông T2 tại Công ty là không đúng quy định của pháp luật.

Từ các phân tích nêu trên, án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn ông Bùi Văn H về việc buộc Công ty cổ phần điện T hoàn trả cho ông H số tiền 750.500.000 đồng là có căn cứ.

Tại phiên tòa, các bên đương sự đều xác định toàn bộ số cổ tức Công ty đã tự ý giữ để chi trả bất hợp pháp cho ông T2 vào ngày 30/01/2019 với tổng số tiền 750.500.000 đồng, nên lãi phát sinh từ khoản tiền cổ tức của ông H bị trích giữ bất hợp pháp theo Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐQT của HĐQT Công ty cổ phần điện T ngày 23/01/2019 kể từ thời điểm trích giữ (ngày 30/01/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm 26/11/2019 theo mức lãi suất 10%/năm tương đương số tiền 750.500.000đ X (10%/12tháng) X (296ngày/30ngày) = 61.707.000 đồng (làm tròn) là có căn cứ.

Như vậy, cần buộc Công ty cổ phần điện T phải trả cho ông Bùi Văn H tổng số tiền là: 812.207.000 đồng là đúng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Nguyên đơn ông Bùi Văn H kháng cáo yêu cầu Công

ty T trả 1.103.455.511 đồng; Bị đơn Công ty cổ phần điện T, bà Đỗ Thị X, ông Phạm Công T1 và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Nguyễn Trương T2 kháng cáo yêu cầu bác đơn khởi kiện của Nguyên đơn nhưng các đương sự kháng cáo không cung cấp được tình tiết nào mới, khác so với án sơ thẩm. Nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các đương sự, cần giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Từ phân tích trên, không có căn cứ để chấp nhận kháng nghị phúc thẩm số 1006/QĐ-VKS-P10 ngày 11/12/2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

[2]. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Nguyên đơn ông Bùi Văn H; Chấp nhận kháng cáo của Bị đơn Công ty cổ phần điện T, bà Đỗ Thị X, ông Phạm Công T1, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trương T2 và Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 1006/QĐ-VKS-P10 ngày 11/12/2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk, sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 05/2019/KDTM-ST theo hướng bác đơn khởi kiện của Nguyên đơn ông Bùi Văn H. Đề nghị này không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên không có căn cứ để chấp nhận.

[3]. Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên Nguyên đơn ông Bùi Văn H; Bị đơn Công ty cổ phần điện T, bà Đỗ Thị X, ông Phạm Công T1; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trương T2 phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

[4]. Các quyết định khác còn lại của Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của các Nguyên đơn là ông Bùi Văn H; Bị đơn Công ty cổ phần điện T, bà Đỗ Thị X, ông Phạm Công T1; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Nguyễn Trương T2;

Không chấp nhận kháng nghị số 1006/QĐ-VKS-P10 ngày 11/12/2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk giữ nguyên Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 05/2019/KDTM-ST ngày 26/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Áp dụng khoản 2 Điều 121; Khoản 2, khoản 7 Điều 126; Điều 132 Luật Doanh nghiệp 2014.

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Văn H.

2. Hủy bỏ Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần điện T ngày 23/01/2019.

3. Buộc Công ty cổ phần điện T hoàn trả cho ông Bùi Văn H tổng số tiền 812.207.000 đồng (*tám trăm mười hai triệu, hai trăm lẻ bảy nghìn đồng chẵn*) (trong đó gồm: toàn bộ số cổ tức đã tự ý giữ để chi trả bất hợp pháp cho ông T2 vào ngày 30/01/2019 với tổng số tiền 750.500.000 đồng; Lãi phát sinh từ khoản tiền cổ tức của ông H bị trích giữ bất hợp pháp theo Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần điện T ngày 23/01/2019 là 61.707.000 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

4. Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

- Nguyên đơn ông Bùi Văn H phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm là 2.000.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm đã nộp là 2.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007441 ngày 18/12/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn Công ty cổ phần điện T phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm là 2.000.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm đã nộp là 2.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008451 ngày 20/12/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn bà Đỗ Thị X phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm là 2.000.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm đã nộp là 2.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007448 ngày 20/12/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn ông Phạm Công T1 phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm là 2.000.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm đã nộp là 2.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008452 ngày 20/12/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trương T2 phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm là 2.000.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm đã nộp là 2.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008453 ngày 20/12/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Các đương sự đã nộp đủ án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

5. Các quyết định khác còn của bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu luật pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *TAND tối cao;*
- *VKSND cấp cao;*
- *TAND tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND tỉnh Đắk Lắk;*
- *Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;;*
- *Các đương sự (theo địa chỉ);*
- *Lưu trữ, HSVA, Phòng HCTP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Long